

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN D  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 20-7-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Thắng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Quang Thương

Ông Phạm Thanh Giản

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Lê Kim Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 10/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 262/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Cao Thị L, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ 11, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ 11, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Cao Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trước đó anh D có chơi trên mạng Internet ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, vợ chồng có bất đồng trong quan điểm sống, xảy ra cãi vã nhau và không thể hòa giải được. Từ cuối năm 2021, do mâu thuẫn càng

thắng nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau; gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Huy T, sinh ngày 06-10-2015 đang ăn ở ổn định với anh D tại nhà ông bà nội. Do công việc chưa ổn định và không có chỗ ở riêng nên chị đề nghị giao cháu Toàn cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con với anh D 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 8/2022 đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn là anh Nguyễn Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận việc anh chị kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chỉ là do bất đồng về quan điểm trong sinh hoạt vợ chồng về lối sống, tính cách, nhận thức; chị L đi xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc từ đầu năm 2019 đến đầu năm 2021 có thời gian không liên lạc với anh. Đến khi chị L về nước thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn nhỏ, anh và chị L cũng đã hòa giải nhưng chị L không thiện chí để đoàn tụ; gia đình cũng khuyên bảo nhưng đến nay anh và chị L vẫn không hòa giải được. Đến nay anh vẫn còn tình cảm với vợ nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Huy T, sinh ngày 06-10-2015. Trong trường hợp ly hôn, thì anh đề nghị giao cháu Toàn cho anh nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh mâu thuẫn tại nơi chị L, anh D cư trú và qua gia đình anh D, chị L xác định: Chị L và anh D xảy ra mâu thuẫn từ khi chị L đi Hàn Quốc về, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không được, hiện nay chị L đã dọn về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Huy T, sinh ngày 06-10-2015, hiện nay đang ở với anh D và gia đình anh D ổn định và đảm bảo về điều kiện vật chất và tinh thần.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị L được ly hôn anh D; về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Huy T cho anh D nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con, chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc cấp dưỡng nuôi con với anh D 3.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, chị L và anh D không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **- Về tố tụng:**

[1] Chị Cao Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn D cư trú tại Tổ 11, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử, anh D đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

#### **- Về quan hệ hôn nhân:**

[3] Chị Cao Thị L và anh Nguyễn Văn D xây dựng gia đình với nhau năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[4] Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, không có sự tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm; dẫn đến cãi vã, không hòa giải được. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ tại nơi chị L và anh D cư trú, qua gia đình anh D và chị L xác định: Chị L và anh D xảy ra mâu thuẫn đã lâu, gia đình hai bên đã hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành, mâu thuẫn giữa chị L và anh D ngày càng trầm trọng. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân nhau. Chị L làm đơn xin ly hôn anh D, Tòa án đã tiến hành hòa giải mâu thuẫn giữa hai bên nhưng không thành. Bản thân anh D không muốn vợ chồng ly hôn nhưng cũng không có giải pháp gì để vợ chồng hòa giải và đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*". Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, có thể thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa

vụ của vợ chồng, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị L xin ly hôn anh D là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

- Về con chung:

[5] Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Huy T, sinh ngày 06-10-2015. Xét yêu cầu của chị L và anh D về việc giao cháu Toàn cho anh D nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Toàn hiện đang ăn ở sinh hoạt ổn định cùng anh D, điều kiện sinh hoạt đảm bảo. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị L và anh D, giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Toàn là phù hợp thực tế và quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, trước khi xét xử, chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với anh D 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 8/2022. Việc chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với anh D là phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

- Về tài sản chung:

[6] Chị L và anh D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[7] Chị Cao Thị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[8] Chị Cao Thị L và anh Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

**2.** Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huy T, sinh ngày 06-10-2015 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận tự nguyện của chị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với anh D 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 8/2022 đến khi cháu Nguyễn Huy T đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù có thể bị khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, khi anh D có đơn yêu cầu thi hành án, chị L chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

**3. Về tài sản chung:** Chị L và anh D không yêu cầu nên không phải xem xét giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Cao Thị L là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số **AA/2021/0002808 ngày 22-3-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D**, thành phố Hải Phòng. Chị Cao Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Chị Cao Thị L có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn D vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Quyền yêu cầu thi hành án dân sự:** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận D;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND phường H (ĐKKH 2015);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Thắng**

